TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – TÂY NINH** TỈNH TÂY NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24 – 12 – 2025
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vụ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Lin;

Bà Trần Thị Đổi.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tây Ninh.

Ngày 24 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 475/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp L, xã A, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: ông Đỗ Văn H1, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp L, xã A, tỉnh Tây Ninh.

(Bà H và ông H1 có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Bà và ông Đỗ Văn H1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/6/2017. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau thì vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, cải vã, không tìm được tiếng nói chung nên đã ly thân với nhau. Bà H xác định cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đỗ Văn H1.

Về nuôi con chung: bà H xác định bà và ông H1 không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản và nợ chung: bà H xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đỗ Văn H1 trình bày tại bản tự khai ngày 11/12/2025: ông thống nhất với lời trình bày của bà H về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông H1 đồng ý ly hôn với bà H. Khi ly hôn, về con chung, chia tài sản và nợ chung ông H1 xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Nguyễn Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Văn H1. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Ông H1 hiện đang cư trú tại xã A, tỉnh Tây Ninh. Thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 3 –Tây Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh H và bị đơn là ông Đỗ Văn H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng nguyên đơn và bị đơn.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Về hôn nhân: Xét thấy, bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Đỗ Văn H1 tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 66 đăng ký ngày 30/6/2017 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Long An cấp, nên xác định hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh H với ông Đỗ Văn H1 là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Xét thấy, quá trình chung sống giữa bà H và ông H1 đã phát sinh mâu thuẫn như lời bà H, ông H1 trình bày và từ khi sống ly thân cho đến nay, các bên không tìm ra được biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ với nhau nên bà H xin ly hôn thì ông H1 đồng ý.

Do đó, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà H và ông H1 đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Từ các phân tích trên, xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh H đối ông Đỗ Văn H1 là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Về nuôi con chung: bà H và ông H1 thống nhất xác định không có con chung. Khi ly hôn, không yêu cầu giải quyết.

[3.3]. Về chia tài sản chung và nợ chung: bà H và ông H1 thống nhất xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về án phí: buộc bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H.

1. Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với ông Đỗ Văn H1.

2. Về nuôi con chung: bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Đỗ Văn H1 thống nhất xác định không có nên không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Đỗ Văn H1 thống nhất xác định không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0009565 ngày 27/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Bà H đã nộp đủ tiền án phí. Ông H1 không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 3 – Tây Ninh;
- UBND xã An Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Vụ